

SỞ TƯ PHÁP TỈNH TUYỀN QUANG

ĐỀ CƯƠNG TUYÊN TRUYỀN LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của luật xử lý vi phạm hành chính được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XV, kỳ họp thứ 9 thông qua ngày 25/6/2025; Chủ tịch nước ký Lệnh công bố số 31/2025/L-CTN ngày 26/6/2025; có hiệu lực thi hành từ ngày 01/7/2025.

I. SỰ CẦN THIẾT BAN HÀNH LUẬT

1. Cơ sở chính trị, pháp lý

- Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 của Hội nghị lần thứ sáu Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới.

- Kết luận số 121-KL/TW ngày 24/01/2025 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng về tổng kết Nghị quyết số 18-NQ/TW ngày 25/10/2017 của Ban Chấp hành Trung ương Đảng Khóa XII

- Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia

- Thực hiện chủ trương sắp xếp, tinh gọn tổ chức bộ máy, Hiến pháp năm 2013 và nhiều đạo luật quan trọng khác liên quan trực tiếp đến Luật xử lý vi phạm hành chính (XLVPHC) như Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Bộ luật Hình sự, Luật Thanh tra, Luật Tổ chức Tòa án nhân dân, Luật Tổ chức Viện kiểm sát nhân dân, Luật Tổ chức cơ quan điều tra hình sự, Bộ luật Tố tụng hình sự, Luật Tư pháp người chưa thành niên, Luật Thi hành án hình sự, Luật Thi hành tạm giữ, tạm giam và cấm đi khỏi nơi cư trú... cũng được sửa đổi, bổ sung để có hiệu lực từ ngày 01/7/2025.

- Nghị quyết số 190/2025/QH15 ngày 19/02/2025 của Quốc hội khóa XV quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước.

2. Cơ sở thực tiễn

Sau 12 năm triển khai thi hành, Luật XLVPHC đã góp phần bảo đảm trật tự, kỷ cương quản lý hành chính, an ninh, trật tự, an toàn xã hội, bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của cá nhân, tổ chức. Tuy nhiên, trước yêu cầu cấp bách của việc sắp

xếp, tinh gọn bộ máy nhà nước, cải cách mạnh mẽ thủ tục, phương thức điều hành hành chính, đồng thời, đẩy mạnh việc ứng dụng khoa học công nghệ trong quản lý nhà nước, Luật XLVPHC đã phát sinh một số bất cập cơ bản, mang tính phổ quát cần được sửa đổi, bổ sung, cụ thể như:

(i) Các quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, thẩm quyền quyết định cưỡng chế, thẩm quyền áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính của các chức danh và các quy định về quy trình áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, tổ chức thi hành các quyết định trong xử lý vi phạm hành chính không còn phù hợp với mô hình hiện nay của chính quyền địa phương 02 cấp và chủ thể có thẩm quyền xử lý vi phạm hành chính;

(ii) Trình tự, thủ tục xử phạt vi phạm hành chính, áp dụng các biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính cần được phân cấp, phân quyền nhiều hơn, cần được áp dụng mạnh mẽ hơn việc ứng dụng khoa học, công nghệ theo yêu cầu chuyển đổi số;

(iii) Mức xử phạt không lập biên bản trong Luật XLVPHC không còn phù hợp trong điều kiện phát triển kinh tế - xã hội hiện nay, mức phạt tiền của các chức danh ở cơ sở hiện nay còn thấp, chưa tương xứng dẫn đến số lượng vụ việc vi phạm hành chính phải chuyển lên cấp trên tương đối lớn, gây khó khăn cho công tác xử phạt. Xuất phát từ cơ sở chính trị, pháp lý và thực tiễn nêu trên, việc xây dựng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật XLVPHC là cần thiết.

II. QUAN ĐIỂM XÂY DỰNG LUẬT

- Bám sát và cụ thể hóa đầy đủ chủ trương, đường lối của Đảng về xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật, sắp xếp tổ chức bộ máy, ứng dụng khoa học công nghệ, chuyển đổi số.

- Tập trung rà soát, sửa đổi, bổ sung các quy định bị tác động bởi việc sắp xếp, tổ chức bộ máy ở Trung ương và địa phương, những vướng mắc, bất cập lớn, cơ bản, mang tính phổ quát, thực sự là “điểm nghẽn” cần phải tháo gỡ trong thực tiễn xử lý vi phạm hành chính thời gian qua.

- Bảo đảm sự lãnh đạo, chỉ đạo tập trung, thống nhất, chặt chẽ, toàn diện của Đảng trong quá trình xây dựng Luật; tiếp tục thực hiện chủ trương “*luật chỉ quy định các vấn đề mang tính ổn định, có giá trị lâu dài; quy định cụ thể các nội dung liên quan đến quyền con người, quyền, nghĩa vụ của công dân*”, đẩy mạnh phân cấp, phân quyền, cải cách thủ tục hành chính và tăng cường hiệu quả quản lý nhà nước về xử lý vi phạm hành chính.

III. BỐ CỤC CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA

LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

Luật sửa đổi, bổ sung gồm 03 Điều, cụ thể như sau:

Điều 1. Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xử lý vi phạm hành chính, trong đó:

- Sửa đổi, bổ sung về nội dung 26 Điều, gồm: Thời hiệu xử lý vi phạm hành chính (Điều 6); bổ sung Điều 18a. Xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử (Điều 18); Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực (Điều 24); bổ sung Điều 37a và Điều 37, Chương II, phần Thứ 2. Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (Điều 37); Nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả (Điều 52); Thay đổi tên gọi, nhiệm vụ, quyền hạn của chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính (Điều 53); Xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản (Điều 56); Lập biên bản vi phạm hành chính (Điều 58); Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính (Điều 59); Xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt (Điều 60); Chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự (Điều 62); Chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt hành chính (Điều 63); Gửi quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành (Điều 70); Chuyển quyết định xử phạt để tổ chức thi hành (Điều 71); Thẩm quyền quyết định cưỡng chế (Điều 87); Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (Điều 99); Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng (Điều 100); Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (Điều 101); Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc (Điều 102); Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Điều 103); Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc; Thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc (Điều 110); Thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính (Điều 123); Tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính (Điều 125); Xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính (Điều 126).

- Bổ sung cụm từ “người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hoặc” vào sau cụm từ “trong trường hợp cần thiết” tại khoản 1 Điều 59. Xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính.

- Thay thế cụm từ “xã, phường, thị trấn” bằng cụm từ “xã, phường, đặc khu”

tại khoản 3 Điều 2; điểm a khoản 2 Điều 6; tên Điều 89; khoản 1 và khoản 2 Điều 89; tên Điều 90; khoản 7 Điều 90; khoản 3 và khoản 4 Điều 92; điểm b khoản 1 Điều 94; tên Điều 97; các khoản 1, 2 và 3 Điều 97; tên Điều 98; các khoản 1, 2, 3, 4 và 5 Điều 98; khoản 1 Điều 105; khoản 1 Điều 108; tên Điều 109; tên khoản 1 Điều 109; các điểm a và c khoản 1, khoản 3 Điều 109; khoản 1 Điều 114; Điều 117; điểm a khoản 6 Điều 131; khoản 1 Điều 136;

- Thay thế cụm từ “thực hiện lần cuối hành vi vi phạm” bằng cụm từ “thực hiện hành vi” tại điểm d khoản 2 Điều 6;

- Thay thế cụm từ “Các hình thức xử phạt và nguyên tắc áp dụng” bằng cụm từ “Nguyên tắc quy định các hình thức xử phạt” tại tên Điều 21;

- Thay thế cụm từ “03 ngày” bằng cụm từ “05 ngày làm việc” tại khoản 2 và khoản 3 Điều 62; Thay thế cụm từ “kể từ ngày có quyết định không khởi tố vụ án hình sự” bằng cụm từ “kể từ ngày quyết định không khởi tố vụ án hình sự có hiệu lực” tại khoản 3 Điều 62;

- Thay thế cụm từ “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh tuyến huyện” bằng cụm từ “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh cấp cơ bản” tại điểm b khoản 1 Điều 76, điểm b khoản 2 và điểm b khoản 4 Điều 77;

- Thay thế cụm từ “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ tuyến huyện” bằng cụm từ “cơ sở khám bệnh, chữa bệnh từ cấp cơ bản” tại điểm b khoản 5 Điều 92, điểm d khoản 2 Điều 94, điểm b khoản 2 Điều 96, điểm a khoản 1, điểm a và điểm c khoản 2 Điều 111;

- Thay thế cụm từ “Trưởng Công an cấp huyện nơi có cơ sở cai nghiện bắt buộc” bằng cụm từ “Trưởng Công an cấp xã có thẩm quyền” tại khoản 3 Điều 118;

- Thay thế cụm từ “tạm gửi” bằng cụm từ “tạm giữ” tại khoản 3 Điều 126;

- Thay thế cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã nơi cư trú của cá nhân” tại khoản 2 Điều 129;

- Thay thế cụm từ “Ủy ban nhân dân cấp xã” bằng cụm từ “cơ quan Công an cấp xã” tại khoản 1 Điều 113, điểm b khoản 2 Điều 131;

- Thay thế cụm từ “Công an cấp huyện nơi lập hồ sơ” bằng cụm từ “cơ quan Công an cấp xã nơi lập hồ sơ” tại khoản 3 Điều 132;

- Thay thế cụm từ “Tòa án nhân dân cấp huyện” bằng cụm từ “Tòa án nhân dân khu vực” tại khoản 2 Điều 105, khoản 3 Điều 112, khoản 3 Điều 132;

- Thay thế cụm từ “Giám đốc cơ sở cai nghiện bắt buộc” bằng cụm từ “Trưởng cơ sở cai nghiện bắt buộc” tại khoản 3 Điều 112, khoản 2 Điều 114, khoản 1 Điều

115, Điều 117, khoản 3 Điều 118, khoản 2 Điều 132.

- Bỏ cụm từ tại một số điểm, khoản, điều như sau:

+ Bỏ cụm từ “trực thuộc trung ương” tại khoản 1 và khoản 3 Điều 23, khoản 5 Điều 122, điểm a khoản 2 Điều 131;

+ Bỏ cụm từ “đoạn 1” tại khoản 1 Điều 57;

+ Bỏ cụm từ “Công an cấp huyện hoặc” tại khoản 2 Điều 97;

+ Bỏ cụm từ “hoặc cơ quan Công an cùng cấp trong trường hợp Công an cấp tỉnh lập hồ sơ đề nghị” tại Điều 107;

+ Bỏ cụm từ “cấp huyện” tại khoản 3 Điều 111, khoản 2 Điều 113, khoản 2 Điều 114, khoản 1 Điều 132;

+ Bỏ cụm từ “cùng cấp” tại khoản 3 Điều 113;

- Bãi bỏ các điều 38, 39, 40, 41, 42, 43, 43a, 44, 45, 45a, 46, 47, 48, 48a, 49, 51 và khoản 2 Điều 71.

Điều 2. Hiệu lực thi hành.

Điều 3. Quy định chuyển tiếp.

III. NỘI DUNG CỦA LUẬT SỬA ĐỔI, BỔ SUNG MỘT SỐ ĐIỀU CỦA LUẬT XỬ LÝ VI PHẠM HÀNH CHÍNH

1. Sửa đổi, bổ sung Điều 6 về thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính:

Thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính trong hầu hết các lĩnh vực là 01 năm. Một số trường hợp thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính là 02 năm gồm: Vi phạm hành chính về kế toán; hóa đơn; phí, lệ phí; kinh doanh bảo hiểm; quản lý giá; chứng khoán; sở hữu trí tuệ; xây dựng; thủy sản; lâm nghiệp; điều tra, quy hoạch, thăm dò, khai thác, sử dụng nguồn tài nguyên nước; hoạt động dầu khí và hoạt động khoáng sản khác; bảo vệ môi trường; năng lượng nguyên tử; quản lý, phát triển nhà và công sở; đất đai; đề điều; báo chí; xuất bản; sản xuất, xuất khẩu, nhập khẩu, kinh doanh hàng hóa; sản xuất, buôn bán hàng cấm, hàng giả; quản lý lao động ngoài nước; khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh tính từ thời điểm kết thúc hành vi vi phạm hoặc thời điểm phát hiện hành vi vi phạm. Đồng thời, thời gian cơ quan tiến hành tố tụng thụ lý, xem xét được tính vào thời hiệu xử phạt vi phạm hành chính.

2. Sửa đổi, bổ sung Điều 24 về Mức phạt tiền tối đa trong các lĩnh vực

- Bổ sung mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực hôn nhân và gia đình hôn nhân và gia đình; bình đẳng giới; bạo lực gia đình; lưu trữ; tín ngưỡng, tôn giáo; thi đua,

khen thưởng; hành chính tư pháp; dân số; vệ sinh môi trường; thống kê; đối ngoại; khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh đến 30.000.000 đồng.

- Bổ sung mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực: Đê điều; khám bệnh, chữa bệnh; mỹ phẩm; dược, trang thiết bị y tế; chăn nuôi; phân bón; quảng cáo; đặt cược và trò chơi có thưởng; quản lý lao động ngoài nước; giao thông hàng hải; hoạt động hàng không dân dụng; quản lý và bảo vệ công trình giao thông; công nghệ thông tin; viễn thông; tần số vô tuyến điện; an ninh mạng; an toàn thông tin mạng; dữ liệu; công nghiệp công nghệ số; xuất bản; in; thương mại; hải quan, thủ tục thuế; kinh doanh xổ số; kinh doanh bảo hiểm; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; quản lý vật liệu nổ; điện lực đến 100.000.000 đồng

- Bổ sung mức phạt tiền tối đa trong lĩnh vực: xây dựng; lâm nghiệp; đất đai; quản lý tổng hợp tài nguyên và bảo vệ môi trường biển và hải đảo; kinh doanh bất động sản đến 500.000.000 đồng.

3. Sửa đổi, bổ sung Điều 52 về nguyên tắc xác định và phân định thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và áp dụng biện pháp khắc phục hậu quả

Thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của một chức danh là thẩm quyền áp dụng đối với một hành vi vi phạm hành chính; trong trường hợp phạt tiền, thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức gấp 02 lần thẩm quyền xử phạt đối với cá nhân. Trong trường hợp phạt tiền đối với vi phạm hành chính trong khu vực nội thành của thành phố thuộc các lĩnh vực quy định tại khoản 1 Điều 23 của Luật này, thì các chức danh có thẩm quyền phạt tiền đối với các hành vi vi phạm hành chính do Chính phủ quy định cũng có thẩm quyền xử phạt tương ứng với mức tiền phạt cao hơn đối với các hành vi vi phạm hành chính do Hội đồng nhân dân thành phố quy định.

Theo đó Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước ở địa phương. Trong trường hợp hành vi vi phạm hành chính thuộc thẩm quyền xử phạt của nhiều người, thì việc xử phạt vi phạm hành chính do người thụ lý đầu tiên thực hiện

4. Sửa đổi, bổ sung Điều 53 về thay đổi tên gọi, nhiệm vụ, quyền hạn của chức danh có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính

Trong trường hợp các chức danh đang có thẩm quyền xử phạt có sự thay đổi nhiệm vụ, quyền hạn do tổ chức lại, hợp nhất, sáp nhập, chia tách. Theo đó, cho phép thẩm quyền xử phạt được tiếp tục thực hiện bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn đó tương ứng với từng lĩnh vực quản lý nhà nước, thay vì phải xin ý kiến Ủy ban Thường vụ Quốc hội như quy định hiện hành.

5. Sửa đổi Điều 56 về xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản: Quy

định theo hướng tăng giới hạn mức phạt tiền tối đa được thực hiện thủ tục xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản (từ 250.000 đồng lên 1.000.000 đồng đối với cá nhân; từ 500.000 đồng lên 2.000.000 đồng đối với tổ chức) để góp phần đơn giản hóa thủ tục, tạo thuận lợi hơn cho cả đối tượng vi phạm và người có thẩm quyền xử phạt trên cơ sở bảo đảm phù hợp với tốc độ phát triển kinh tế - xã hội, mức tăng thu nhập bình quân đầu người tại thời điểm hiện nay so với trước đây. Đồng thời, quy định rõ trường hợp hành vi vi phạm do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự chuyển đến theo quy định tại khoản 1 Điều 63 của Luật XLVPHC thuộc trường hợp xử phạt vi phạm hành chính không lập biên bản, nhằm bảo đảm tính thống nhất trong nội tại Luật XLVPHC.

6. Sửa đổi quy định của Điều 58 về Lập biên bản vi phạm hành chính

Về thời hạn chuyển biên bản vi phạm hành chính cho người có thẩm quyền xử phạt theo hướng linh hoạt hơn: Thay vì quy định trong thời hạn 24 giờ như hiện nay, Luật không quy định thời hạn cụ thể nhưng yêu cầu vẫn phải đảm bảo nguyên tắc xử lý kịp thời trong xử phạt vi phạm hành chính, bảo đảm phù hợp hơn với điều kiện thực tế khi tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp, không tổ chức cấp huyện, tiếp tục sáp nhập cấp tỉnh, cấp xã và phạm vi địa bàn quản lý mở rộng. Đồng thời, phân định, làm rõ hơn các trường hợp có đặc thù trong lập và chuyển biên bản vi phạm hành chính gắn với yếu tố đặc thù về không gian (vi phạm hành chính xảy ra trên biển, đường thủy nội địa), phương tiện (tàu bay, tàu biển, phương tiện thủy nội địa, tàu hỏa) để bảo đảm phù hợp với thực tiễn thực thi pháp luật.

7. Sửa đổi, bổ sung Điều 59 về xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính

Luật quy định theo hướng mở rộng thẩm quyền xác minh. Theo đó, việc xác minh tình tiết của vụ việc vi phạm hành chính không chỉ được thực hiện bởi người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính như hiện nay, mà có thể được tiến hành bởi người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính hoặc người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính đối với vụ việc. Đồng thời, bổ sung quy định cho người có thẩm quyền xác minh được tổ chức, phân công người thực hiện xác minh; người có thẩm quyền xác minh vẫn phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về kết quả xác minh.

8. Sửa đổi, bổ sung khoản 3, Điều 60 Xác định giá trị tang vật vi phạm hành chính để làm căn cứ xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt

Theo đó trường hợp không thể áp dụng quy định để làm căn cứ xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính để xác định khung tiền phạt, thẩm quyền xử phạt, thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc có thể ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm và thành lập Hội đồng định giá. Hội

đồng định giá gồm có người ra quyết định tạm giữ tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là Chủ tịch Hội đồng, đại diện cơ quan tài chính cùng cấp và đại diện cơ quan chuyên môn có liên quan là thành viên. Thời hạn tạm giữ để xác định giá trị tang vật, phương tiện vi phạm hành chính không quá 05 ngày làm việc, kể từ ngày ra quyết định tạm giữ. Mọi chi phí liên quan đến việc tạm giữ, định giá và thiệt hại do việc tạm giữ gây ra do cơ quan của người có thẩm quyền ra quyết định tạm giữ chi trả.

9. Sửa đổi, bổ sung một số quy định của Điều 62 về chuyển hồ sơ vụ vi phạm có dấu hiệu tội phạm để truy cứu trách nhiệm hình sự và Điều 63 về chuyển hồ sơ vụ vi phạm để xử phạt vi phạm hành chính

Trong quá trình xem xét, xử lý vụ vi phạm, nếu xét thấy hành vi vi phạm có dấu hiệu tội phạm, thì người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc phải chuyển hồ sơ liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự. Việc chuyển tang vật, phương tiện vi phạm hành chính liên quan đến hành vi có dấu hiệu tội phạm thực hiện theo quy định của Chính phủ.

Đối với vụ việc do cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hình sự thụ lý, giải quyết, nhưng sau đó ban hành một trong các quyết định không khởi tố vụ án hình sự, quyết định hủy bỏ quyết định khởi tố vụ án hình sự, quyết định đình chỉ điều tra, quyết định đình chỉ vụ án, quyết định đình chỉ vụ án đối với bị can, miễn trách nhiệm hình sự theo bản án, nếu hành vi có dấu hiệu vi phạm hành chính thì người có thẩm quyền của cơ quan đang thụ lý vụ án phải xử phạt vi phạm hành chính theo thẩm quyền. Trường hợp không có thẩm quyền xử phạt, thì phải chuyển quyết định kèm theo hồ sơ (bản sao y), tang vật, phương tiện vi phạm liên quan đến hành vi vi phạm hành chính trong vụ việc, trừ trường hợp tang vật, phương tiện là vật chứng và văn bản đề nghị xử phạt vi phạm hành chính cho người có thẩm quyền xử phạt trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày quyết định có hiệu lực. Việc quy định như vậy nhằm làm rõ hơn, bảo đảm thực hiện thống nhất trình tự, thủ tục xử lý khi chuyển giao giữa quy trình xử phạt vi phạm hành chính và quy trình tố tụng hình sự.

10. Sửa đổi, bổ sung Điều 71 về chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính

Pháp luật hiện hành quy định 02 trường hợp người ra quyết định xử phạt được chuyển quyết định đến nơi cá nhân cư trú, nơi tổ chức đặt trụ sở để thi hành, gồm: (i) cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính ở địa bàn cấp tỉnh này nhưng cư trú, đặt trụ sở ở địa bàn cấp tỉnh khác và (ii) vi phạm hành chính xảy ra ở địa bàn cấp huyện này nhưng cá nhân cư trú, tổ chức đặt trụ sở ở địa bàn cấp huyện khác.

Quy định chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành nhằm tạo thuận lợi hơn cho cả người có thẩm quyền ra quyết định xử phạt và đối tượng bị xử phạt trong việc tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính. Tuy nhiên, quy định hiện hành chưa bao quát được các trường hợp vi phạm hành chính xảy ra trên các khu vực khác không phải đất liền (như trên biển), trong khi trên thực tế, tại các khu vực đặc thù nêu trên thường rất khó xác định địa giới hành chính và việc tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính gặp rất nhiều khó khăn (do khoảng cách địa lý giữa nơi đặt trụ sở cơ quan người có thẩm quyền đã ra quyết định xử phạt với nơi cá nhân vi phạm cư trú hoặc tổ chức vi phạm đặt trụ sở rất xa; người có thẩm quyền không có đủ nguồn lực để tổ chức thi hành quyết định...). Vì vậy, Luật đã quy định trường hợp cá nhân, tổ chức thực hiện vi phạm hành chính *“trong phạm vi lãnh thổ hoặc trên biển mà người có thẩm quyền đã ra quyết định XPVPHC đối với vụ việc không ở địa bàn cấp tỉnh nơi cá nhân cư trú, tổ chức đóng trụ sở”* để mở rộng hơn các trường hợp được chuyển quyết định xử phạt vi phạm hành chính để thi hành, từ đó, tạo điều kiện thuận lợi hơn cho công tác tổ chức thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính.

11. Sửa đổi, bổ sung Điều 87 Luật XLVPHC về thẩm quyền quyết định cưỡng chế thi hành quyết định xử phạt vi phạm hành chính: Theo hướng quy định chung cho người có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính là cấp trưởng hoặc người đứng đầu cơ quan, đơn vị, thay vì quy định các chức danh cụ thể như hiện nay để bảo đảm tính linh hoạt, kịp thời đáp ứng những thay đổi trong tổ chức bộ máy, đồng thời, cũng phù hợp với chủ trương tăng cường tính tự chịu trách nhiệm trong thực hiện nhiệm vụ công vụ thuộc thẩm quyền.

12. Sửa đổi các quy định về thẩm quyền lập hồ sơ, xem xét, quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính, thi hành quyết định áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tại Phần thứ ba của Luật XLVPHC (Điều 99. *Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng*; Điều 100. *Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực áp dụng biện pháp đưa vào trường giáo dưỡng*; Điều 101. *Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc*; Điều 102. *Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc*; Điều 103. *Lập hồ sơ đề nghị áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc*; Điều 104. *Xem xét, quyết định việc chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân khu vực áp dụng biện pháp đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc*; Điều 110. *Thi hành quyết định đưa vào trường giáo dưỡng, quyết định đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, quyết định đưa vào cơ sở cai nghiện bắt buộc*)

Luật XLVPHC hiện hành quy định thẩm quyền quyết định việc chuyển hồ sơ

đề nghị Tòa án nhân dân áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện, còn cơ quan Công an cấp xã là cơ quan giúp Ủy ban nhân dân cấp xã lập hồ sơ đề nghị để Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quyết định. Tuy nhiên, hiện nay, hệ thống Công an nhân dân được tổ chức theo mô hình 03 cấp, không còn cấp huyện; chính quyền địa phương cũng dự kiến tổ chức theo mô hình 02 cấp, không tổ chức đơn vị hành chính cấp huyện, đồng thời, nhiệm vụ quản lý nhà nước về cai nghiện ma túy đã được chuyển giao từ cơ quan Lao động – Thương binh và Xã hội sang cơ quan Công an. Vì vậy, để bảo đảm phù hợp chủ trương sắp xếp tổ chức bộ máy và sự chuyển giao nhiệm vụ quản lý giữa các bộ, ngành như đã nêu trên theo hướng trao thẩm quyền lập hồ sơ và quyết định chuyển hồ sơ đề nghị áp dụng các biện pháp xử lý hành chính tới Tòa án nhân dân để xem xét, quyết định cho các chức danh cấp cơ sở như Trưởng Công an cấp xã thay cho một số chức danh cấp huyện như Trưởng Công an cấp huyện, Trưởng phòng Lao động - Thương binh và Xã hội cấp huyện. Bên cạnh đó, nhằm đẩy mạnh việc phân quyền cho cấp cơ sở Luật thống nhất một chủ thể có thẩm quyền lập hồ sơ, quyết định chuyển hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân có thẩm quyền áp dụng các biện pháp xử lý hành chính là Công an cấp xã. Theo đó, tại các khoản 16, 18 và 20 Luật sửa đổi, bổ sung quy định trong trường hợp người vi phạm do cơ quan, đơn vị thuộc Công an cấp tỉnh trực tiếp phát hiện, điều tra, thụ lý trong các vụ vi phạm pháp luật, nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự mà thuộc đối tượng áp dụng các biện pháp xử lý hành chính thì cơ quan, đơn vị đang thụ lý vụ việc hoàn thiện hồ sơ và chuyển cho Công an cấp xã có thẩm quyền để lập hồ sơ đề nghị Tòa án nhân dân áp dụng các biện pháp xử lý hành chính.

13. Sửa đổi Điều 123 về Thẩm quyền tạm giữ người theo thủ tục hành chính

Bổ sung một số chức danh có thẩm quyền áp dụng biện pháp ngăn chặn và bảo đảm xử lý vi phạm hành chính tạm giữ người theo thủ tục hành chính như Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, trưởng Công an cấp xã; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Cục nghiệp vụ thuộc Bộ Công an; Trưởng phòng nghiệp vụ thuộc Công an cấp tỉnh hoặc chức danh tương đương thuộc lực lượng Công an nhân dân; Đồn trưởng, Chỉ huy trưởng Ban Chỉ huy Biên phòng cửa khẩu cảng, Hải đội trưởng, Hải đoàn trưởng, Đoàn trưởng Đoàn Đặc nhiệm Phòng, chống ma túy và tội phạm, Chỉ huy trưởng Ban chỉ huy Bộ đội Biên phòng; Hải đội trưởng, Hải đoàn trưởng, Tư lệnh Vùng, Đoàn trưởng thuộc lực lượng Cảnh sát biển; Hạt trưởng, Đội trưởng, Chi cục trưởng, Trạm trưởng thuộc cơ quan, đơn vị quản lý về lâm nghiệp, kiểm lâm, thủy sản, kiểm ngư; Đội trưởng Hải quan cửa khẩu; Đội trưởng Hải quan

ngoài cửa khẩu; Đội trưởng Đội kiểm soát hải quan thuộc Chi cục Hải quan khu vực; Đội trưởng Đội Kiểm soát chống buôn lậu thuộc Chi cục Điều tra chống buôn lậu; Đội trưởng Đội quản lý thị trường thuộc Chi cục Quản lý thị trường thuộc Sở Công Thương; Trưởng phòng nghiệp vụ quản lý thị trường thuộc Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước; Thẩm phán chủ tọa phiên tòa để bảo đảm phù hợp với sự thay đổi của các chức danh, cơ quan, tổ chức khi sắp xếp tổ chức bộ máy và chính quyền địa phương.

14. Sửa đổi, bổ sung Điều 125 về tạm giữ tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề theo thủ tục hành chính

Thủ tục tạm giữ theo hướng mở rộng thẩm quyền lập biên bản tạm giữ cho người có thẩm quyền đang giải quyết vụ việc thay vì bó hẹp trong phạm vi người có thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính như hiện nay; đồng thời, quy định rõ khi tạm giữ cùng thời điểm lập biên bản vi phạm hành chính thì không phải lập biên bản tạm giữ, giúp giảm các trường hợp phải lập biên bản tạm giữ; bổ sung các trường hợp không phải thực hiện thủ tục niêm phong khi tạm giữ, góp phần đơn giản hoá quy trình, thủ tục tạm giữ. Ngoài ra, dự thảo Luật bổ sung quy định xử lý trong trường hợp chấm dứt việc tạm giữ đối với tang vật, phương tiện vi phạm hành chính là tài sản bảo đảm của khoản nợ xấu theo hướng “*trả lại theo đề nghị của bên nhận bảo đảm là tổ chức tín dụng, chi nhánh Ngân hàng nước ngoài, tổ chức mua bán, xử lý nợ*” để bảo đảm quyền lợi chính đáng của bên nhận bảo đảm, góp phần bảo đảm tính thống nhất, đồng bộ giữa pháp luật xử lý vi phạm hành chính và pháp luật về các tổ chức tín dụng.

15. Sửa đổi, bổ sung Điều 126 về xử lý tang vật, phương tiện, giấy phép, chứng chỉ hành nghề bị tạm giữ theo thủ tục hành chính

Theo hướng bổ sung quy định xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ trong trường hợp hết thời hạn tạm giữ mà đối tượng vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp không đến nhận và không xác định được người vi phạm, chủ sở hữu, người quản lý hoặc người sử dụng hợp pháp của tang vật, phương tiện theo hướng: quy định cụ thể những trường hợp cho phép bán ngay tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ (như: thời hạn sử dụng dưới 06 tháng tính từ thời điểm hết thời hạn tạm giữ; dễ bị hư hỏng, suy giảm chất lượng nếu không được bảo quản theo đúng tiêu chuẩn kỹ thuật; có nguy cơ gây cháy nổ, ô nhiễm môi trường hoặc ảnh hưởng đến sức khỏe cộng đồng). Những quy định này góp phần rút ngắn thời gian, quy trình xử lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính bị tạm giữ, khắc phục tình trạng tồn đọng, quá tải trong bảo quản, quản lý tang vật, phương tiện vi phạm hành chính, đồng thời, giúp tránh thất thoát,

lãng phí tài sản.

16. Những nội dung bổ sung (bổ sung Điều 18a và Điều 37a)

- Nhằm tạo cơ sở pháp lý để tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ trong hoạt động xử lý vi phạm hành chính, dự thảo Luật bổ sung 01 điều (Điều 18a) tại khoản 2 Điều bổ sung quy định về ứng dụng công nghệ thông tin trong xử lý vi phạm hành chính, trong đó, quy định nguyên tắc chung về việc xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử, đồng thời, giao Chính phủ quy định chi tiết để cụ thể hóa việc thực hiện các quy trình, thủ tục xử lý vi phạm hành chính trên môi trường điện tử.

- Bổ sung 01 điều (Điều 37a) về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính. Theo đó, Luật quy định chức danh, hệ lực lượng có thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính và giao Chính phủ quy định chi tiết các chức danh có thẩm quyền xử phạt; thẩm quyền áp dụng các hình thức xử phạt, biện pháp khắc phục hậu quả của từng chức danh. Đồng thời, quy định rõ đối với trường hợp thành lập cơ quan, lực lượng mới (không do sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước) chưa được quy định thì thẩm quyền xử phạt của chức danh thuộc các cơ quan, lực lượng được thành lập mới do Chính phủ quy định.

17. Những nội dung bãi bỏ (Điều 38, 39, 40, 41, 42, 43, 43a, 44, 45, 45a, 46, 47, 48, 48a, 49, 51 và khoản 2 Điều 71.)

Để phù hợp với những yêu cầu của tình hình mới trong bối cảnh thực hiện sắp xếp, tinh gọn bộ máy, song song với việc bổ sung 01 điều quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính, khoản 30 Điều 1 Luật bãi bỏ 16 điều quy định về thẩm quyền xử phạt vi phạm hành chính của từng chức danh tại Luật XLVPHC hiện hành và khoản 2 Điều 71 về chuyển quyết định xử phạt để tổ chức thi hành./.